

Công TTTT

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG  
Số: 2165 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Sóc Trăng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**HÒA TỐC**

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng (đoạn thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 2318/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/8/2023).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng (đoạn thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng), cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích đất dự kiến thu hồi:

a) Công trình Cầu Đại Ngãi: Khoảng 19,53 ha tại xã An Thạnh Tây, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung và xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

b) Công trình Khu tái định cư xã An Thạnh Tây: Khoảng 0,94 ha tại xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.



## 2. Loại đất và giá đất cụ thể:

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Công trình Cầu Đại Ngãi</b>			
<b>I</b>	<b>Xã Long Đức, huyện Long Phú</b>			
1	Tiếp giáp đường Nam sông Hậu đoạn từ giao đường Tỉnh 935B đến giáp ranh thị trấn Long Phú	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	1.806.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	903.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	540.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	270.000
2	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	404.000
3	Đất nông nghiệp còn lại	Đất trồng cây hàng năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	176.000
		Đất trồng cây lâu năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	176.000
<b>II</b>	<b>Xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung</b>			
1	Tiếp giáp đường đê Tả Hữu đoạn từ Cù Lao Nai đến giáp ranh xã Đại Ân 1	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	486.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	191.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
2	Đường ô tô Trung tâm xã Đại Ân 1 đoạn từ đầu ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình đến đường đê Tả Hữu	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	866.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	433.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	360.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	180.000
3	Tiếp giáp đường đal áp An Phú đoạn từ đầu ranh đất nhà bà Ngô Thị Phương đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bê	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	657.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	267.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000
4	Tiếp giáp đường đal áp An Phú đoạn từ đầu ranh đất ông Đoàn Văn Giàu đến hết Bến đò Cồn Chén	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	657.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	267.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000



Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
5	Tiếp giáp đường Tỉnh 933B đoạn từ giáp đường đal Bần Xanh đến giáp ranh thị trấn Cù Lao Dung	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	1.996.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	998.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	815.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	407.500
6	Tiếp giáp đường tỉnh 933B đoạn từ giáp đường đal Bần Xanh đến giáp ranh thị trấn Cù Lao Dung	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	1.397.200
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	698.600
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	570.500
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	285.200
7	Tiếp giáp lộ đal Rạch Già nhỏ (phía dưới) đoạn từ giáp đường Tỉnh 933 đến đê Tả Hữu	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	695.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	289.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
8	Tiếp giáp đường đê Tả Hữu đoạn từ Rạch Sâu đến Rạch Sung	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	486.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	191.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000
9	Tiếp giáp đường đal đầu lá An Lạc từ đầu ranh đất ông Huỳnh Văn Chác đến hết đất ông Huỳnh Văn Sứ	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	657.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	267.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000
10	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	402.000
11	Đất nông nghiệp còn lại	Đất trồng cây hàng năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	156.000
		Đất trồng cây lâu năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	161.000
<b>III</b>	<b>Xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung</b>			



Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
1	Tiếp giáp đường đê Tả Hữu (suốt tuyến)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	481.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	189.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000
2	Tiếp giáp đường Trung tâm xã đoạn từ giáp đường ô tô đến hết đường (ấp Đặng Trung Tuyến)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	942.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	471.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	394.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	197.000
3	Tiếp giáp đường đal khu dân cư số 1 (ấp Đặng Trung Tuyến)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	581.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	402.000
		Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	229.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	161.000

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
4	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	402.000
5	Đất nông nghiệp còn lại	Đất trồng cây hàng năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	156.000
		Đất trồng cây lâu năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	161.000
		Đất nuôi trồng thủy sản	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	156.000
<b>B</b>	<b>Công trình Khu tái định cư xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung</b>			
1	Tiếp giáp nương thủy lợi cặp Đường 933B đoạn từ giáp ranh xã An Thạnh 1 đến hết đất ông Huỳnh Văn Thử (giáp đường đal Bản Xanh)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	602.700
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	301.300
2	Đất nông nghiệp còn lại	Đất trồng cây hàng năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	156.000
		Đất trồng cây lâu năm	Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án	161.000

**Điều 2.** Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú và Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh triển khai các thủ tục tiếp theo để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng (đoạn thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng) theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT huyện LP, CLD;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT, w

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**

SÓC TRĂNG